

# BIẾN ĐỔI CƠ CẤU DÂN SỐ HÀ NỘI TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ

PGS. TS Hoàng Bá Thịnh\*

Quyết định mở rộng Thủ đô Hà Nội chính thức có hiệu lực từ ngày 1/8/2008, đến nay đã được hơn hai năm. Địa giới hành chính Thủ đô Hà Nội được mở rộng trên cơ sở hợp nhất toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số tỉnh Hà Tây, điều chỉnh toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của huyện Mê Linh (Vĩnh Phúc) và 4 xã Đông Xuân, Tiền Xuân, Yên Bình, Yên Trung thuộc huyện Lương Sơn (Hoà Bình). Theo đó, vào thời điểm tháng 8/2008, Thủ đô Hà Nội mở rộng sẽ có diện tích 3.324,92km<sup>2</sup>; dân số gần 6 triệu người; có 29 đơn vị hành chính quận, huyện; 575 đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn; phía đông giáp các tỉnh Bắc Ninh, Hưng Yên; phía tây giáp các tỉnh Hoà Bình, Phú Thọ; phía bắc giáp các tỉnh Thái Nguyên, Vĩnh Phúc.

Mở rộng Thủ đô dẫn đến nhiều thay đổi, trong đó có vấn đề biến động dân số. Bài viết này đề cập đến một vài nét về đặc điểm của dân số Thủ đô trong bối cảnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, chủ yếu dựa trên kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở 1/4/2009. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng sử dụng số liệu của Tổng điều tra dân số năm 1999 để có thể so sánh một số đặc điểm về dân số của Hà Nội và Hà Tây cũ, nay là Hà Nội mở rộng.

## 1. Về dân số và tỷ lệ tăng dân số Hà Nội

Số liệu thống kê trong lịch sử cho thấy dân số Hà Nội tăng mạnh mẽ trong nửa thế kỷ gần đây. Vào thời điểm năm 1954, chúng ta vào tiếp quản Hà Nội, thành phố khi đó có 53 nghìn dân, trên một diện tích 152km<sup>2</sup>. Đến năm 1961, thành phố được mở rộng, diện tích lên tới 584km<sup>2</sup>, dân số 91.000 người. Năm 1978, Quốc hội quyết định mở rộng Thủ đô lần thứ hai với diện tích đất tự nhiên 2.136km<sup>2</sup>, dân số 2,5 triệu người. Tới năm 1991, địa giới Hà Nội tiếp tục thay đổi, chỉ còn 924km<sup>2</sup>, nhưng dân số vẫn ở mức hơn 2 triệu người. Trong suốt thập niên 1990, cùng việc các khu vực ngoại ô dần được đô thị hoá, dân số Hà Nội tăng đều đặn, đạt con số 2.675.1166 người vào năm 1999. Sau đợt mở rộng địa giới gần đây nhất vào ngày 1/8/2008, thành phố Hà Nội có 6,233 triệu dân và nằm trong 17 Thủ đô có diện tích lớn nhất thế giới.

---

\* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Theo Tổng cục Thống kê, tỷ lệ tăng dân số bình quân của cả nước (gọi tắt là tỷ lệ tăng dân số) trong thời kỳ giữa hai cuộc Tổng điều tra năm 1999 và 2009 là 1,2%/năm. Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở 1/4/2009 cho biết dân số Hà Nội (mới) là 6.541.909 người. Số liệu cũng cho thấy, tỷ lệ tăng dân số bình quân của Hà Nội trong giai đoạn 1999 - 2009 là 2%/năm, cao gấp 2,2 lần tỷ lệ tăng dân số của vùng đồng bằng sông Hồng và hơn 1,66 lần so với tỷ lệ tăng trung bình của cả nước.

Một trong những yếu tố tác động đến tỷ lệ tăng dân số của Hà Nội cao hơn so với cả nước là hiện tượng di cư từ các địa phương về Hà Nội. Theo một nghiên cứu về di cư, tính đến tháng 5/2005, số hộ khẩu KT3 và KT4 chiếm 9,5% tổng dân số Hà Nội, và số nhập cư vào Hà Nội giai đoạn 1994 - 1999 là 196.930 người. Trong số đó, Hà Tây là tỉnh đứng đầu trong số 10 tỉnh có nhiều người di cư về Hà Nội (Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội, 2005). Năm 2008, số người nhập cư vào Hà Nội là 34.768 người, số người xuất cư là 21.981. Tỷ số di cư thuần chiếm 3,9% (Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương, 2009). Từ năm 2001 đến 2009, tại Hà Nội trung bình có hơn 100.000 trẻ ra đời, tỷ lệ người nhập cư về Hà Nội trung bình khoảng 100.000 người/năm. Như vậy, mỗi năm quy mô dân số Hà Nội dự kiến tăng thêm tương đương dân số một huyện lớn với khoảng 200.000 người. Quận Hà Đông, huyện Từ Liêm và quận Cầu Giấy là những nơi có tỷ lệ tăng dân số cao nhất trong thành phố. Đây là những nơi có đông người lao động làm ăn sinh sống và sinh viên lên trọ học. Điển hình là Từ Liêm, từ năm 1999 đến nay, dân số của huyện này đã tăng lên gấp đôi (hiện đang giữ ở mức 371.247 người).

Đô thị hoá và vấn đề di cư từ nông thôn ra thành thị là một hiện tượng phổ biến ở các quốc gia đang phát triển. Ở các nước này dân cư ở các thành phố đang tăng lên với tỷ lệ nhanh hơn nhiều so với tăng trưởng trong khu vực sản xuất, vì vậy, các nước này đã phải đối mặt với tình trạng thất nghiệp gay gắt ở đô thị. Các tỉnh thành phố ở Việt Nam có tỷ lệ người di cư đến cao bao gồm: Bình Dương, Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hà Nội v.v... là minh chứng cho làn sóng di cư từ nông thôn ra đô thị. Điều này phù hợp với nhận định của Tổng cục Thống kê khi nói về mức độ tăng dân số của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có tỷ lệ tăng dân số cao hơn mức bình thường.

## 2. Cơ cấu dân số Hà Nội theo giới tính và nông thôn, đô thị

### 2.1. Về cơ cấu giới tính

Tỷ số giới tính của dân số được định nghĩa là số nam trên 100 nữ. Tỷ số giới tính của Việt Nam luôn ở mức dưới 100, kể từ năm 1960 đến nay. Nguyên nhân chính của tình trạng này là nam giới có mức tử vong cao hơn và chịu ảnh hưởng nặng nề của các cuộc chiến tranh.

Tuy nhiên, tỷ số này có xu hướng tăng dần từ năm 1979 đến nay. Do ảnh hưởng từ các cuộc chiến tranh đã giảm dần và tỷ số giới tính khi sinh cũng tăng khá nhanh trong mấy năm gần đây nên đã góp phần làm gia tăng tỷ số giới tính của Việt Nam.

Tỷ số giới tính của dân số Việt Nam đã đạt được 96,7 nam trên 100 nữ vào thời gian Tổng điều tra dân số năm 1999. Kết quả sơ bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 cho thấy tỷ số giới tính đã tiếp tục tăng lên và đạt mức 98,1 nam trên 100 nữ. Nếu so với tỷ lệ giới tính chung của cả nước, thì tỷ lệ giới tính của Hà Nội hiện nay thấp hơn 0,11%. (xem bảng 1):

**Bảng 1. Tỷ lệ tăng dân số, tỷ số giới tính, 1999 và 2009**

Tỉnh/thành phố	Tỷ lệ tăng dân số bình quân 1999 - 2009 (%)	Tỷ số giới tính (%)	
		1999	2009
Cả nước	1,2	96,7	98,1
Đồng bằng Sông Hồng	0,9	95,8	97,2
Hà Nội	2,0	97,7	97,0

(Nguồn: TCTK, Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009)

Năm 2009, nữ giới chiếm 50,02% trong cơ cấu dân số (3.272.735/6.541.909). Tỷ lệ này thấp hơn một chút so với năm 1999 (50,66%). Vào năm 1999, với dân số của Hà Nội và Hà Tây là hơn 5 triệu người như đã nói ở trên, cơ cấu giới tính trong dân số như sau:

**Bảng 2. Cơ cấu giới tính trong dân số Hà Nội và Hà Tây, 1999**

	Tổng	Nam	Nữ
Hà Nội	2.675.166	1.336.589 (49,96%)	1.338.577 (51,04%)
Hà Tây	2.378.438	1.156.417 (48,62%)	1.222.021 (51,38%)
Tổng	5.053.604	2.493.006 (49,34%)	2.560.598 (50,66%)

(Nguồn: tác giả tính toán từ số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 1999)

Có sự khác biệt nhỏ về cơ cấu giới tính trong dân số giữa Hà Nội và Hà Tây, trong khi nam giới ở Hà Nội nhiều hơn Hà Tây là 1,34% thì phụ nữ Hà Tây lại nhiều hơn ở Hà Nội là 0,34%.

Năm 2009, 59,2% dân số của Hà Nội sống ở nông thôn, 40,8% dân số sống ở đô thị. Tỷ lệ dân số đô thị của Hà Nội cao hơn tỷ lệ chung của cả nước 11,2% (40,8% so với 29,6%) và cao hơn đồng bằng sông Hồng 11,6%. So với mười năm trước, tỷ lệ đô thị hoá của Hà Nội tăng 6,6%.

Về cơ cấu giới tính dân số nông thôn và đô thị, trong vòng 10 năm qua, cơ cấu giới tính ở nông thôn và đô thị hầu như không có sự biến đổi. Nhưng có điểm đáng chú ý là, so với năm 1999 thì năm 2009 có sự giảm đi tỷ lệ nữ (50,95% xuống còn 50,63%) và tăng tỷ lệ nam (từ 49,05% lên 49,37%) trong cơ cấu dân số ở nông thôn. Trong khi cơ cấu giới tính dân số ở đô thị lại có xu hướng ngược lại: giảm tỷ lệ nam (từ 49,89% xuống 48,78%) và tăng tỷ lệ nữ (50,11% lên 51,22%) trong cơ cấu dân số (xem bảng 3).

**Bảng 3. Dân số chia giới tính, theo nông thôn và đô thị (người), năm 1999 và 2009**

	Thành thị		Nông thôn	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ
Hà Nội (1999)	761.466	762.470	575.123	576.107
Hà Tây (1999)	90.872	93.763	1.065.545	1.128.258
<b>Tổng</b>	<b>852.338</b> 49,89%	<b>856.233</b> 50,11%	<b>1.640.668</b> 49,05%	<b>1.704.365</b> 50,95%
Hà Nội (2009)	1.290.233 48,78%	1.354.303 51,22%	1.879.829 49,37%	1.927.544 50,63%
<b>Tổng</b>	<b>2.644.536</b>		<b>3.807.373</b>	

(Nguồn: tác giả tính toán dựa trên số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở 1999, 2009)

Đáng chú ý, tỷ số giới tính khi sinh trong dân số của Hà Nội ngày càng chênh lệch, hiện nay, tỷ số giới tính khi sinh ở Hà Nội là 108 bé trai/100 bé gái. Mặc dù so với tỷ số giới tính khi sinh của đồng bằng sông Hồng - là vùng có tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh cao nhất (115,3) và tỷ lệ này thấp hơn một chút so với mặt bằng chung của cả nước (110,5 bé trai/100 bé gái) nhưng cũng là dấu hiệu cho thấy nguy cơ về mất cân đối giới tính ở Hà Nội.

Vì vậy, cần sớm có chính sách về kế hoạch hoá gia đình phù hợp để đảm bảo sự cân bằng bền vững về giới tính trong tương lai.

## 2.2. Về mật độ dân số

Năm 2009, mật độ dân số Hà Nội là 1.296 người/km<sup>2</sup>. Mật độ dân số này cao hơn 7,44 lần so với mật độ trung bình của cả nước (259 người/km<sup>2</sup>), và cao hơn mật độ dân số vùng đồng bằng sông Hồng 2,07 lần (xem bảng 4).

**Bảng 4. Mật độ dân số Hà Nội so với khu vực đồng bằng sông Hồng và cả nước, 2009**

Tỉnh/thành phố	Mật độ dân số (người/km <sup>2</sup> )	
	1999	2009
Cả nước	231	259
Đồng bằng sông Hồng	830	930
Hà Nội	1 296	1 926

(Nguồn: tác giả tính toán dựa trên kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009)

Với mật độ dân số như trên, so với các tỉnh/thành phố trên cả nước thì Hà Nội chỉ đứng sau Tp. Hồ Chí Minh (3.399 người/km<sup>2</sup>). Trong vòng một thập kỷ qua, mật độ dân số của Hà Nội tăng 1,48 lần và Tp. Hồ Chí Minh tăng 1,41 lần (từ 2.410 người/km<sup>2</sup> (1999) lên 3.399 người/km<sup>2</sup> (2009)). Điều này cho thấy sức ép về gia tăng mật độ dân số của Hà Nội trong mười năm qua. Đó là chưa tính đến việc mở rộng địa lý hành chính Hà Nội đã giúp cho mật độ dân số Hà Nội giảm bớt. Nếu không, mật độ dân số Hà Nội còn cao hơn nữa.

Tuy nhiên, chính việc sáp nhập này đã tạo nên sự phân bố không đồng đều về dân cư của Hà Nội. Trong khi mật độ trung bình của toàn thành phố là 1.926 người/km<sup>2</sup>, thì mật độ dân cư của quận Đống Đa lên đến 36.550 người/km<sup>2</sup> (gấp gần 20 lần mật độ trung bình), tiếp đến là quận Hai Bà Trưng: 29.368 người/km<sup>2</sup>. Trong khi đó, các huyện như Mỹ Đức chỉ có 745 người/km<sup>2</sup>, Ba Vì: 576 người/km<sup>2</sup>.

Theo chúng tôi, trong tương lai mật độ dân số Hà Nội sẽ tăng dần, xem xét mức độ di cư cho thấy, Hà Nội là một trong những tỉnh/thành phố có tỷ suất di cư thuần dương (số lượng người nhập cư lớn hơn người xuất cư) với lượng 50 người di cư/1000 dân.

Nói cách khác, dân số Hà Nội hiện nay cứ 20 người thì có 1 là người dân nhập cư. Con số này rất thấp nếu so với tỉnh Bình Dương cứ 3 người có 1 người nhập cư, và Tp. Hồ Chí Minh cứ 8 người có 1 người chuyển từ tỉnh khác đến sinh sống, làm việc. Nhưng nó cho thấy, Hà Nội chỉ là tỉnh đứng thứ 6/63 tỉnh, thành phố có lượng người di cư đến nhiều nhất, sau các tỉnh Bình Dương (340 người di cư/1000 dân), Tp. Hồ Chí Minh (136 người di cư/1000 dân), Đà Nẵng (77 người di cư/1000 dân), Đồng Nai (66 người di cư/1000 dân), Đắk Nông (66 người di cư/1000 dân).

Xu hướng “đất chật, người đông” ở Hà Nội sẽ vẫn còn tiếp tục gia tăng trong một vài năm tới, khi mà luồng di cư từ nông thôn ra đô thị, từ các tỉnh về Thủ đô vẫn không ngừng chảy. Bên cạnh hiện tượng *di cư lao động*, cần tính đến hiện tượng *di cư giáo dục*, đó là học sinh, sinh viên từ các địa phương có xu hướng lựa chọn các trường trung học, cao đẳng, đại học danh tiếng và có uy tín ở Hà Nội để theo học. Trong mạng lưới các trường đại học, cao đẳng của cả nước, Hà Nội có mật độ tập trung cao nhất. Hiện nay, trên địa bàn thành phố có 126 cơ sở đào tạo cho học sinh, sinh viên, trong đó có 56 trường đại học (chiếm trên 37% trong tổng số 150 trường của cả nước), 28/226 trường cao đẳng, 39/81 trường trung học chuyên nghiệp.

Về số lượng sinh viên, Hà Nội có khoảng 800.000 sinh viên, chiếm hơn 46% tổng số sinh viên trên cả nước (1.719.499 sinh viên). Đây cũng là nơi tập trung nhiều trường đại học trọng điểm có quy mô sinh viên lớn như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Nông nghiệp 1 và hàng loạt các trường đại học đầu ngành khác như Sư phạm Hà Nội, Y khoa, Nhạc viện, Thủy lợi, Học viện Kỹ thuật Quân sự... (Phan Dương, 2009).

Và sau khi tốt nghiệp các trường này, các cử nhân ít hoặc không muốn trở lại quê hương, khiến cho mật độ dân số ở Hà Nội càng trở nên dày đặc hơn. Việc tăng dân số cơ học đang khiến Hà Nội bị quá tải do sự phát triển cơ sở hạ tầng, an sinh xã hội, công ăn việc làm,... không phát triển đồng bộ, không theo kịp sự gia tăng dân số. Đây cũng là thách thức của Hà Nội hiện nay. Vấn đề an ninh trật tự xã hội sẽ phức tạp hơn, thành phố sẽ phải có thêm nhiều bệnh viện, trạm xá, trường học, củng cố mạng lưới giao thông,... để đáp ứng nhu cầu của người dân trong quá trình phát triển.

### 3. Về trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật

Số liệu năm 2009 cho thấy, nếu tính dân số từ 5 tuổi trở lên Hà Nội có 116.736 người chưa bao giờ tới trường, chiếm 2,0% dân số từ 15 tuổi trở lên. Trong số này, nữ chưa bao giờ đến trường chiếm 75,5%, nhiều gấp ba lần nam giới (24,5%).

**Bảng 5. Tỷ trọng dân số Hà Nội từ 15 tuổi trở lên chia theo trình độ học vấn, 2009 (%)**

	Chưa bao giờ đi học	Chưa tốt nghiệp tiểu học	Tốt nghiệp tiểu học	Tốt nghiệp THCS	Tốt nghiệp THPT
Toàn quốc	5,5	14,5	25,7	28,9	12,1
Đồng bằng sông Hồng	2,3	7,5	15,0	39,3	16,5
Hà Nội	2,0	6,0	14,9	28,0	22,2

(Nguồn: tác giả tính toán dựa trên kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 2009)

Số liệu bảng 5 cho thấy một bước tiến khá xa về tỷ lệ dân số tiếp cận giáo dục ở Hà Nội. Nếu năm 1999, Hà Nội có 4% dân số từ 15 tuổi trở lên chưa đi học (Hà Tây là 6,75%) thì mười năm sau tỷ lệ này của Hà Nội mở rộng (bao gồm cả Hà Tây) chỉ còn 2%.

Mặc dù thế, chúng ta vẫn quan ngại về trình độ học vấn của người Hà Nội, với 21% có học vấn Tiểu học trở xuống, 28% tốt nghiệp Trung học cơ sở và chỉ có 22,2% tốt nghiệp Trung học phổ thông. Nếu chúng ta cộng thêm 27% dân số từ 15 tuổi trở lên có trình độ chuyên môn kỹ thuật, thì Hà Nội có gần 50% dân số có trình độ từ tốt nghiệp Trung học phổ thông trở lên. Như vậy, một nửa dân số Hà Nội (tính từ 15 tuổi trở lên) có trình độ học vấn từ Trung học cơ sở trở xuống. Đó là chưa nói đến một thực tế, tỷ lệ người Hà Nội

## BIẾN ĐỔI CƠ CẤU DÂN SỐ HÀ NỘI TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HOÁ...

không biết chữ tăng lên sau khi mở rộng diện tích hành chính. Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo, tính đến tháng 6 năm 2008 với gần 235.000 người, Hà Nội hiện là địa phương có số người mù chữ nhiều nhất nước. Tuy nhiên, riêng Hà Tây cũ đã chiếm tới hơn 220.000 người (93,6%).

**Bảng 6. Tỷ trọng dân số Hà Nội từ 15 tuổi trở lên chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật (%)**

	Tốt nghiệp sơ cấp	Tốt nghiệp trung cấp	Tốt nghiệp cao đẳng	Tốt nghiệp đại học trở lên
Toàn quốc	2,6	4,7	1,6	4,4
Đồng bằng sông Hồng	3,5	6,8	2,3	6,8
Hà Nội	3,6	7,5	2,5	13,3

(Nguồn: tác giả tính toán dựa trên số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 2009)

Bảng 6 cho thấy, Hà Nội có 27% dân số từ 15 tuổi trở lên đã được đào tạo chuyên môn kỹ thuật với các trình độ khác nhau, trong đó 15,8% có trình độ từ cao đẳng trở lên. Nói cách khác, trong dân số Hà Nội cứ 100 người từ 15 tuổi trở lên thì 16 người có trình độ từ cao đẳng, đại học và sau đại học. Đây là nguồn trí thức đông đảo (nhiều gấp gần bốn lần so với bình quân cả nước) rất đáng quý. Tuy nhiên, nó cũng cho thấy tình trạng mất cân đối trong cơ cấu của trình độ chuyên môn kỹ thuật, phản ánh thực trạng “thừa thầy” (16% có trình độ cử nhân trở lên) nhưng lại “thiếu thợ” (chỉ có 11% sơ cấp, trung cấp).

Mặc dù tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao hơn hai lần so với mặt bằng chung của cả nước (13,3%) và cao hơn 1,3 lần so với khu vực đồng bằng sông Hồng (19,4%) nhưng có thể nói rằng, tỷ lệ người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật của dân số Hà Nội vẫn còn rất thấp, nhất là các vùng nông thôn Hà Nội. Đây có thể xem là một trở ngại lớn đối với yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn (xem bảng 7).

**Bảng 7. Trình độ chuyên môn kỹ thuật của dân số Hà Nội từ 15 tuổi trở lên theo đô thị và nông thôn (người), 2009**

	Dân số từ 15 tuổi trở lên	Trình độ chuyên môn kỹ thuật					Không xác định
		Chưa đào tạo	Tốt nghiệp sơ cấp	Tốt nghiệp trung cấp	Tốt nghiệp cao đẳng	Tốt nghiệp đại học trở lên	
Hà Nội	4.967.925	3.628.855	178.742	373.823	125.429	660.219	857
Đô thị	2.078.804	1.152.485	107.761	210.453	65.231	542.435	439
Nông thôn	2.889.121	2.476.370	70.981	163.370	60.198	117.784	418

(Nguồn: tác giả dựa trên số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009)

Bảng 7 cho thấy, có sự khác biệt rất rõ về trình độ chuyên môn kỹ thuật theo đô thị và nông thôn, với 85,7% dân số nông thôn Hà Nội từ 15 tuổi trở lên chưa được đào tạo chuyên môn kỹ thuật, tỷ lệ này ở đô thị là 55,4%. Số người chưa qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật ở nông thôn nhiều hơn 2,14 lần so với đô thị. Trong khi đó, tỷ lệ người có trình độ tốt nghiệp cao đẳng ở nông thôn chỉ chiếm 2,1% (tỷ lệ này ở đô thị là 3,1%).

Mặc dù Hà Nội có số người tốt nghiệp đại học trở lên chỉ 13,28% dân số từ 15 tuổi trở lên, nhưng con số này chiếm 23,41% số người có bằng tốt nghiệp đại học trở lên của cả nước. Nói cách khác, cứ khoảng 4 người có bằng đại học trở lên thì 1 người sống ở Hà Nội (660.219/2.819.396).

Sự phân bố trình độ từ đại học trở lên khá rõ theo vùng cư trú. Khu vực nông thôn Hà Nội chỉ có 4,07% tốt nghiệp từ đại học trở lên (nhiều hơn 2,6 lần so với nông thôn của cả nước) nhưng lại ít hơn so với 26,1% ở đô thị Hà Nội, nghĩa là dân số đô thị Hà Nội có tỷ lệ tốt nghiệp đại học trở lên cao gấp 6,5 lần dân số nông thôn.

Có sự phân tầng xã hội về trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật giữa các vùng đô thị và nông thôn ở Hà Nội, theo chúng tôi một nguyên nhân quan trọng là do mở rộng địa giới hành chính của Hà Nội vào năm 2008. Nếu chúng ta phân tích dữ liệu dân số của Hà Nội và Hà Tây trước khi sáp nhập thì sẽ thấy được sự khác biệt này.

Tổng điều tra dân số và nhà ở 1999 cho chúng ta số liệu về trình độ học vấn của Hà Nội và Hà Tây (cũ) như bảng 8 dưới đây:

**Bảng 8. Dân số từ 15 tuổi trở lên và trình độ học vấn (1999)**

	Tổng số	Chưa đi học	Trình độ phổ thông			Cao đẳng	Đại học	Trên đại học
			Tiểu học	THCS	PTTH			
Hà Nội	2.447.046	98.039 4,0%	414.967 16,95%	729.581 29,81%	810.675 33,12%	48.336 1,97%	353.898 14,46%	20.961 0,85%
Hà Tây	2.167.876	146.364 6,75%	597.604 27,56%	895.039 41,28%	458.131 21,13%	28.951 1,33%	40.017 1,84%	1.615 0,74%

(Nguồn: tác giả tính toán dựa trên số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 1999)

Bảng 8 cho thấy, về trình độ học vấn trong khi Hà Nội có 17% dân số học vấn dưới tiểu học, thì con số này ở Hà Tây là 27,5% (cứ 4 người có 1 người học vấn dưới tiểu học). Trong khi Hà Nội cứ 3 người có 1 người học vấn THCS thì ở Hà Tây cứ 5 người có 2 người học vấn THCS. Càng lên cao, tỷ lệ học vấn của dân số Hà Tây càng thấp hơn so với Hà Nội, đặc biệt là học vấn đại học và trên đại học.

Những số liệu này, dù cách đây 10 năm, nhưng cũng cho chúng ta hình dung một bức tranh chung về chất lượng nguồn nhân lực Hà Nội hiện nay không đồng đều, được phân chia làm hai mảng rõ rệt giữa Hà Nội và Hà Tây cũ. Trình độ học vấn là một chỉ báo trong chỉ số phát triển con người (HDI), điều này lý giải vì sao năm 2001, HDI của Hà Nội là 0,798 (xếp thứ 2/61 tỉnh, thành phố) còn Hà Tây có HDI là 0,669 (xếp thứ 25/61 tỉnh, thành phố). Khoảng cách HDI giữa Hà Nội và Hà Tây là 23 bậc. Đây cũng là một thách thức đối với chất lượng nguồn nhân lực của Hà Nội - đặc biệt là các huyện ngoại thành vốn thuộc địa bàn Hà Tây cũ - trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

#### 4. Về cơ cấu lao động - nghề nghiệp

##### 4.1. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động

Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động là một trong những chỉ báo chung nhất đo mức độ tham gia lực lượng lao động của dân số. Nó được xác định bằng tỷ lệ những người

## BIẾN ĐỔI CƠ CẤU DÂN SỐ HÀ NỘI TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HOÁ...

tham gia lực lượng lao động trong dân số từ 15 tuổi trở lên. Năm 2009, tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của dân số Hà Nội như sau:

**Bảng 9. Dân số Hà Nội từ 15 tuổi trở lên theo tình trạng hoạt động kinh tế, giới tính và nông thôn, đô thị (người), 2009**

	Hà Nội			Đô thị			Nông thôn		
	Chung	Nam	Nữ	Chung	Nam	Nữ	Chung	Nam	Nữ
Làm việc	3.288.470	1.646.599	1.641.871	1.187.907	607.697	580.210	2.100.563	1.038.902	1.061.661
Thất nghiệp	108.061	61.943	46.118	54.119	30.127	23.992	53.942	31.816	22.126
Không hoạt động kinh tế	1.557.394	678.923	878.471	832.995	357.722	475.233	724.439	321.201	403.238
Không xác định	14.003	8.522	5.481	3.825	1.924	1.901	10.178	6.958	3.580

(Nguồn: tác giả dựa trên số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009)

Tỷ lệ thất nghiệp trong dân số Hà Nội từ 15 tuổi trở lên là 2,17% trong tổng số 4.967.928 người từ 15 tuổi trở lên, trong đó nam giới chiếm 57,3%, nữ 42,7%. Xét theo vùng cư trú, số người thất nghiệp ở đô thị nhỉnh hơn nông thôn (50,08% và 49,92%). Theo giới tính, tỷ lệ nam giới thất nghiệp chiếm 55,7% số người thất nghiệp ở đô thị, và ở nông thôn tỷ lệ nam giới thất nghiệp chiếm 58,9% số người thất nghiệp ở nông thôn.

Số người không hoạt động kinh tế chiếm 31,3% tổng số người từ 15 tuổi trở lên. Tỷ lệ này ở đô thị nhiều hơn ở nông thôn, và phụ nữ chiếm tỷ lệ cao hơn nam giới trong dân số không hoạt động kinh tế (56,4% và 43,6%), theo vùng nông thôn và đô thị, tỷ lệ nữ không hoạt động kinh tế cũng luôn cao hơn nam giới: nông thôn (55,7% nữ so với 44,3% nam giới) và đô thị tỷ lệ tương ứng là 57,05% và 52,95%.

### 4.2. Cơ cấu việc làm theo nghề nghiệp

Xem xét cơ cấu việc làm theo nghề nghiệp cho chúng ta hiểu được sự đa dạng của loại hình việc làm đồng thời hình dung được trình độ chuyên môn kỹ thuật tương ứng với các loại hình công việc. Năm 2009, cơ cấu việc làm theo nghề nghiệp của Hà Nội như sau:

**Bảng 10. Dân số Hà Nội từ 15 tuổi trở lên đang làm việc chia theo nghề nghiệp, nông thôn và đô thị (người)**

Nghề nghiệp	Hà Nội	Đô thị	Nông thôn
Lãnh đạo	49.617	39.391	10.226
Chuyên môn kỹ thuật (CMKT) bậc cao	445.702	359.728	85.975
Chuyên môn kỹ thuật bậc trung	149.955	80.601	69.353
Nhân viên	75.205	51.191	24.014
Dịch vụ cá nhân, bảo vệ, bán hàng	530.695	294.391	236.305
Nghề trong nông, lâm và ngư nghiệp	21.747	4.094	17.653 <sup>1</sup>
Thợ thủ công và các thợ khác có liên quan	553.537	128.431	425.106
Thợ lắp ráp và vận hành máy móc, thiết bị	250.247	121.468	128.799
Nghề đơn giản	1.211.763	108.612	1.103.151
<b>Tổng</b>	<b>3.288.470</b>	<b>1.187.907</b>	<b>2.100.563</b>

(Nguồn: tác giả tính toán dựa trên số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 2009)



Bảng 10 cho thấy, cơ cấu nghề nghiệp trong dân số từ 15 tuổi trở lên đang làm việc ở Hà Nội với khu vực đô thị chiếm tỷ lệ cao những người làm các nghề như: lãnh đạo (79,4%), nghề CMKT bậc cao (80,7%), CMKT bậc trung (53,8%), dịch vụ cá nhân, bảo vệ, bán hàng (55,5%). Trong khi đó, khu vực nông thôn đa số làm các nghề trong nông, lâm và ngư nghiệp (81,2%), thợ thủ công và các thợ khác có liên quan (76,8%), thợ lắp ráp và vận hành máy móc, thiết bị (51,4%) và nghề đơn giản (91%).

Phân tích cơ cấu nghề nghiệp theo nông thôn và đô thị ở Hà Nội không chỉ thấy được đặc điểm nghề nghiệp gắn với nông thôn (nông nghiệp, nghề thủ công) mà còn thể hiện rõ sự khác biệt và khoảng cách về trình độ chuyên môn kỹ thuật giữa đô thị và nông thôn ở Hà Nội. Với sự tương phản đến cao độ về cơ cấu nghề nghiệp theo trình độ chuyên môn kỹ thuật: 81% CMKT bậc cao ở đô thị so với 91% lao động giản đơn ở nông thôn. Bên cạnh đó, cơ cấu nghề nghiệp cũng phản ánh cấu trúc quyền lực/cơ cấu chính trị: đa số những người lãnh đạo, có quyền ra quyết định đều tập trung ở các đô thị (79,4%), có nghĩa cứ 5 người làm lãnh đạo ở Hà Nội thì có 4 người sống ở khu vực đô thị. Sự tập trung phần lớn các nhà lãnh đạo và chuyên môn kỹ thuật cao ở Hà Nội vì Hà Nội là Thủ đô, trung tâm chính trị, kinh tế và khoa học của cả nước, nơi có nhiều trường cao đẳng, đại học và các viện nghiên cứu hàng đầu của Việt Nam.

#### 4.3. Cơ cấu việc làm theo ngành kinh tế

Phân tích cơ cấu lao động việc làm theo ngành kinh tế sẽ cho thấy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

**Bảng 11. Cơ cấu lao động đang làm việc trong độ tuổi phân theo ngành kinh tế (%)**

	Tỷ trọng lao động trong ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ trọng lao động trong ngành công nghiệp và xây dựng	Tỷ trọng lao động trong ngành dịch vụ
Cả nước	51,9	21,6	26,5
Thành thị	13,4	32,0	54,6
Nông thôn	66,4	17,6	16,0
Vùng đồng bằng sông Hồng	45,8	26,7	27,6
Hà Nội	31,4	27,7	40,9

(Nguồn: tác giả tính toán dựa trên số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 2009)

Số liệu bảng 11 cho thấy ở vùng đồng bằng sông Hồng, tỷ trọng lao động có việc làm theo khu vực kinh tế là: nông nghiệp (45,8%), công nghiệp và xây dựng (26,7%) và dịch vụ (27,6%). Là một địa phương thuộc vùng đồng bằng sông Hồng, Hà Nội có sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhanh hơn nhiều tỉnh, thành phố khác. Chỉ có 31% dân số trong độ tuổi lao động đang làm việc liên quan đến nông nghiệp, 41% làm việc trong ngành dịch vụ, nhiều hơn 1,48 lần so với vùng đồng bằng sông Hồng và hơn 1,54 lần so với cả nước. Trong khi đó, lao động trong ngành nông nghiệp ở Hà Nội chỉ bằng 68,5% của vùng đồng bằng sông Hồng, và bằng 60,5% so với cả nước. Đây là một minh chứng cho thấy sự chuyển dịch cơ cấu lao động - nghề nghiệp của Hà Nội theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá rất rõ.

## 5. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi: tỷ trọng dân số phụ thuộc và già hoá dân số

### 5.1. Tỷ trọng dân số phụ thuộc

Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi được sử dụng để tính tỷ số phụ thuộc, một chỉ báo cho thấy gánh nặng của dân số trong độ tuổi lao động. Chỉ báo này phản ánh tác động của mức sinh và mức chết đến cơ cấu tuổi và lực lượng lao động. Tỷ số phụ thuộc chung biểu thị phần trăm số người dưới 15 tuổi (từ 0 đến 14 tuổi) và từ 65 tuổi trở lên trên 100 người ở nhóm tuổi 15 - 64.

Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009 cho thấy, tỷ trọng dân số Hà Nội từ 0 đến 14 tuổi là: 22,1%. Tỷ trọng dân số từ 65 tuổi trở lên của Hà Nội là: 7,1%. Tỷ số dân số phụ thuộc chung trong cơ cấu dân số Hà Nội là 41,3%. (Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương, 2010b).

Cũng theo kết quả của Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009, thì trên phạm vi cả nước, tỷ trọng dân số trong độ tuổi lao động (15 - 64) chiếm 68%, tỷ trọng dân số phụ thuộc chiếm 32%. So với cả nước, tỷ trọng dân số phụ thuộc chung của Hà Nội thấp hơn so với cả nước (29,2% và 32%). Việt Nam đang trong thời kỳ “cơ cấu dân số vàng” khi mà cứ một người phụ thuộc được gánh đỡ bởi hai người trong độ tuổi lao động, hay nói cách khác, tỷ trọng dân số trong độ tuổi lao động cao gấp hai lần nhóm dân số phụ thuộc. Cần tranh thủ thời kỳ “cơ cấu dân số vàng” để tạo cơ hội cho phát triển kinh tế - xã hội của Hà Nội. Theo dự báo của các chuyên gia dân số, Việt Nam có thời kỳ “cơ cấu dân số vàng” từ 39 đến 45 năm (Nguyễn Đình Cử, 2010).

Thời kỳ “cơ cấu dân số vàng” sẽ không đem lại các tác động tích cực cho Thủ đô nếu chúng ta không có những chính sách thích hợp. Cơ hội do “cơ cấu dân số vàng” có điểm ưu việt là số lao động nhiều, tỷ lệ dân số phụ thuộc ít, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế. Tuy nhiên, dân số trong độ tuổi lao động nhiều và tăng nhanh cũng tạo nên sức ép về vấn đề giải quyết việc làm, về đào tạo tay nghề, chuyên môn kỹ thuật cho người lao động. Do vậy, các nhà hoạch định chính sách của Hà Nội và Chính phủ cần có những quyết sách phù hợp về các lĩnh vực kinh tế - xã hội, như đảm bảo an sinh xã hội cho người cao tuổi, bảo đảm bình đẳng giới, tạo việc làm, v.v...

### 5.2. Già hoá dân số

Năm 2009 tỷ lệ người cao tuổi Việt Nam (tính từ 60 tuổi trở lên) chiếm 8,9% dân số. Tốc độ già hoá dân số ở nước ta nhanh hơn tốc độ tăng dân số, trong thời kỳ 1979 - 2009 dân số tăng 1,6 lần nhưng người cao tuổi tăng 2,08 lần.

Vào năm 2007 Hà Nội cùng với Hà Tây nằm trong số những tỉnh/thành phố có tỷ lệ người cao tuổi từ 10% trở lên. Nói cách khác, từ hai năm trước khi tiến hành Tổng điều tra dân số và nhà ở 1/4/2009, dân số Hà Nội mở rộng đã bước vào “xã hội người cao tuổi” so với nhiều tỉnh/thành khác trong cả nước. Năm 2008, tỷ lệ người cao tuổi trong dân số Hà Nội như sau:

**Bảng 12. Tỷ trọng dân số cao tuổi Hà Nội chia theo giới tính và nhóm tuổi, 1.4.2008 (%)**

Nhóm tuổi	Chung		Thành thị		Nông thôn	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
60 - 64	3,2	3,3	3,8	3,7	2,8	2,9
65 - 69	2,8	2,6	3,3	2,9	2,4	2,4
70 - 74	2,0	2,7	2,2	2,4	1,8	3,0
75+	2,8	5,1	3,0	4,5	2,7	5,6
Tổng	10,8	13,7	12,3	13,5	9,7	13,9

(Nguồn: tác giả tính toán dựa trên số liệu 2008)

Bảng 12 cho thấy, đến 1/4/2008, người cao tuổi chiếm 12,3% dân số Hà Nội, cao hơn tỷ lệ chung cả nước 4,1% (12,3% và 8,2%). Phụ nữ cao tuổi nhiều hơn nam giới (13,7% và 10,8%), ở nông thôn tỷ lệ này chênh lệch càng cao hơn (13,9% và 9,7%).

Một trong những chỉ tiêu quan trọng thể hiện xu hướng già hoá dân số là chỉ số già hoá, được đo bằng tỷ số giữa dân số từ 60 tuổi trở lên so với dân số dưới 15 tuổi tính theo phần trăm. Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009 cho thấy, chỉ số già hoá của Hà Nội là 45,1%, thấp hơn khu vực đồng bằng sông Hồng (48,5%) và cao hơn chỉ số già hoá chung của cả nước (35,7%). Đáng chú ý rằng, chỉ số già hoá của Hà Nội cao hơn nhiều so với TP. Hồ Chí Minh (34,1%) (Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương, 2009).

Mức độ già hoá dân số tăng nhanh đòi hỏi Hà Nội cần có chương trình, chính sách xã hội, an sinh xã hội cho người cao tuổi phù hợp với từng nhóm tuổi, với vùng nông thôn. Đây có thể xem là một thách thức đối với Hà Nội hiện nay về dân số trong phát triển.

## 6. Bàn luận

Từ những phân tích trên đây về cơ cấu dân số Hà Nội, có thể đi đến một vài bàn luận như sau:

*Một là*, hiện nay và trong tương lai, tỷ lệ tăng dân số của Hà Nội chịu nhiều ảnh hưởng của yếu tố di cư, điều này khiến cho mật độ dân số của Thủ đô sẽ tăng lên trong tương lai gần.

*Hai là*, có sự khác biệt khá rõ giữa các vùng nông thôn và đô thị về trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật. Điều này không chỉ do sự khác biệt về cơ hội tiếp cận giáo dục giữa các vùng đô thị và nông thôn Hà Nội, mà còn cho thấy rào cản về dân trí ở các vùng nông thôn. Ngành giáo dục của Thủ đô cần có chính sách thích hợp để giảm bớt sự phân tầng giáo dục giữa nông thôn và đô thị.

*Ba là*, do sự khác biệt về học vấn, chuyên môn kỹ thuật, tạo nên cơ cấu mất cân đối về chất lượng nguồn nhân lực giữa nông thôn và đô thị. Do vậy, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Hà Nội cần chú ý đến việc điều chỉnh cơ cấu việc làm, nghề nghiệp cho phù hợp, để tạo nên sự cân đối trong cơ cấu nghề nghiệp - việc làm giữa các quận, huyện của Hà Nội.

## BIẾN ĐỔI CƠ CẤU DÂN SỐ HÀ NỘI TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HOÁ...

---

*Bốn là*, hiện nay Hà Nội và cả nước đang bước vào thời kỳ “cơ cấu dân số vàng”, đây là một cơ hội nhưng cũng là một thách thức đối với các nhà quản lý, làm thế nào để tận dụng được cơ hội này để tạo nên những tác động tích cực về kinh tế - xã hội.

Trên cơ sở một vài đặc điểm về cơ cấu dân số Hà Nội trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, chúng tôi thấy cần quan tâm đến một số nội dung chủ yếu sau đây:

- Nghiên cứu về quy mô và chất lượng dân số của Hà Nội, làm rõ sự khác biệt giữa các vùng (quận, huyện) về phát triển dân số và chất lượng dân số.

- Trên cơ sở nghiên cứu quy mô và chất lượng dân số của các quận, huyện, có kế hoạch giáo dục - đào tạo nguồn nhân lực thích hợp với từng vùng, đáp ứng yêu cầu của quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá, hiện đại hoá và tranh thủ vận hội “cơ cấu dân số vàng” để phát triển kinh tế.

- Có chính sách xã hội với nhóm dân số cao tuổi nhất là người cao tuổi ở các vùng nông thôn, phụ nữ cao tuổi cô đơn, không chỉ là phúc lợi xã hội mà cần quan tâm đến đào tạo nguồn nhân lực chăm sóc người cao tuổi.

- Tìm hiểu sự biến động dân số tự nhiên và đặc biệt là tăng dân số cơ học do di dân từ các địa phương đến Thủ đô. Điều này không chỉ giúp cho việc kiểm soát mức sinh (nhiều xã, thôn ở các huyện thuộc Hà Tây cũ vẫn còn sinh nhiều con) mà còn có kế hoạch quản lý tốt lao động di cư đến Thủ đô.

---

### CHÚ THÍCH

<sup>1</sup> Theo số liệu này, chỉ có 0,67% dân số Hà Nội từ 15 tuổi trở lên đang làm việc có liên quan đến nông nghiệp. Một tỷ lệ quá thấp so với khoảng 2,5 triệu người Hà Nội đang sinh sống nhờ vào nông nghiệp. Điều này có thể liên quan đến chọn mẫu điều tra, số liệu trên phạm vi cả nước, cũng chỉ có 8,8 triệu người làm nghề nông lâm, ngư nghiệp trên tổng số 47,68 triệu người từ 15 tuổi trở lên đang làm việc, chỉ chiếm 18,5% mà thôi. Trong khi đó 70% dân số sống ở nông thôn với 69,45 triệu và có khoảng hai phần ba dân số phụ thuộc vào nông nghiệp như là một nguồn lao động và sinh kế chính.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (2010), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009 - Các kết quả chủ yếu*, Hà Nội, 6/2010.
2. Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (2010b), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009 - Một số chỉ tiêu chủ yếu*, Hà Nội, 6/2010.
3. Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (2009): *Tổng điều tra dân số và nhà ở 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2009 - Các kết quả suy rộng mẫu*, Hà Nội 12/2009.
4. Nguyễn Đình Cử - Hà Tuấn Anh (2010), "Thay đổi cấu trúc dân số và dự báo giai đoạn cơ cấu dân số "vàng" ở Việt Nam" tạp chí *Dân số và Phát triển*, số 5 (110).
5. Tổng cục Thống kê (2009), *Điều tra biến động dân số, nguồn lao động và kế hoạch hoá gia đình 1/4/2008: Những kết quả chủ yếu*, Hà Nội.
6. Tổng cục Thống kê (1999): *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 1999 - Kết quả điều tra toàn bộ*, NXB Thống kê, Hà Nội, 8/2001.
7. Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội, *Báo cáo kết quả nghiên cứu đánh giá chính sách di dân tới đô thị*, 2005.
8. Hoàng Bá Thịnh (2009), *Về cơ cấu dân số Hà Nội hiện nay*; Kỷ yếu Hội thảo khoa học - Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội - Đại sứ quán Hoa Kỳ, Hà Nội, 11/2009.
9. Hoang Ba Thinh (2009), *Aging population and Social Policy for Elder people in Vietnam*; Seoul National University, Korea, 3-5/12/2009.
10. National Centre for Social Sciences and Humanities, *National Human Development Report 2001*. National Political Publishing house, Hanoi, 2001.
11. Phan Dương (2009), *Đất cho các trường đại học ở Hà Nội*, Quá hạn hẹp <http://vneconomy.vn>